

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 34/2020/DS - GĐT

Ngày 11/6/2020

Về “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn – Thẩm phán
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm và ông Phạm Việt Cường
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển H; địa chỉ: L, Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn L - Nhân viên phụ trách pháp lý (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2016).

2. Bị đơn: bà Lê Thị N; cư trú: Khu phố C, Phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty TNHH Đầu tư và phát triển H trình bày: Ngày 28/7/2016, bà Lê Thị N đến Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển H (Công ty H) đề nghị thỏa thuận bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 78C1-33014, đăng ký ngày 22/7/2016, do Công an thành phố T cấp cho bà Lê Thị N với giá mua là 26.000.000 đồng. Cùng ngày hai bên đã thỏa thuận và ký hợp đồng cho bà N thuê lại chiếc xe trên, thời hạn thuê từ ngày 28/7/2016 đến ngày 26/8/2016, tiền thuê 100.000đ/ngày, bà N đã đặt cọc trước 1.000.000 đồng. Nhưng đến nay đã quá thời hạn mà bà N không đến để thanh lý hợp đồng thuê xe, bàn giao xe cho Công ty. Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại xe cho Công ty H.

- Bị đơn là bà Lê Thị N vắng mặt tại Tòa án nên không có lời trình bày.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ các Điều 472, Điều 474, Điều 482 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/20109/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2016.

Buộc bà Lê Thị N phải trả cho nguyên đơn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, số khung 6301FZ003589, số máy JF63E1003605, mang biển kiểm soát 78C1-330.14.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 19/10/2018, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên có Công văn số 834/CV-CC.THA kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/KN-DS ngày 14/4/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1) Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là người thuê xe mô tô nên không có thông tin từ phía bị đơn về tình trạng xe thuê. Chiếc xe mô tô thuê là động sản có đăng ký, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, thông tin đối với chiếc xe mô tô tại cơ quan quản lý, đăng ký xe để xác định về tình trạng xe, có biển động đăng ký sở hữu hay không, mới đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách chính xác, toàn diện.

(2) Theo kết quả xác minh của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tại Công an thành phố T thì chiếc xe mô tô mang biển số 78C1- 33014, trước đây đứng tên sở hữu bà Lê Thị N; ngày 15/9/2016, bà N đã sang tên sở hữu qua ông Trần Quang C; ngày 30/9/2016, ông C sang tên sở hữu qua ông Huỳnh Tiến D; tức trước khi có bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự nên từ đó không phát hiện và đưa những người trên vào tham gia tố tụng, làm rõ tình trạng tài sản thuê để xử lý tài sản thuê cho phù hợp, dẫn đến gây trở ngại cho công tác thi hành án, cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khác liên quan.

(3) Khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Tòa án cần chú ý quy định về thủ tục niêm yết công khai được quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trong đó tại khoản 1 quy định: “Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại điều 177 và Điều 178 của Bộ luật này”; tức cần phải xác định rõ ràng việc không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng tương ứng trường hợp nào được quy định tại Điều 177, Điều 178 để thực hiện việc niêm yết chính xác và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2020/KN-DS ngày 14/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- TAND thành phố T, tỉnh Phú Yên (02 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tuấn